



PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

BÀI 6

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

- **Về kiến thức:** sinh viên hiểu được lý luận về hệ thống pháp luật và tìm hiểu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt nam.
- **Về kỹ năng:** sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học vào việc thực hiện pháp luật trong cuộc sống.

6.1

Khái niệm, cấu trúc của hệ thống pháp luật

6.2

Một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam

6.1. KHÁI NIỆM, CẤU THÀNH CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

6.1.1

Khái niệm hệ thống pháp luật

6.1.2

Đặc điểm của hệ thống pháp luật

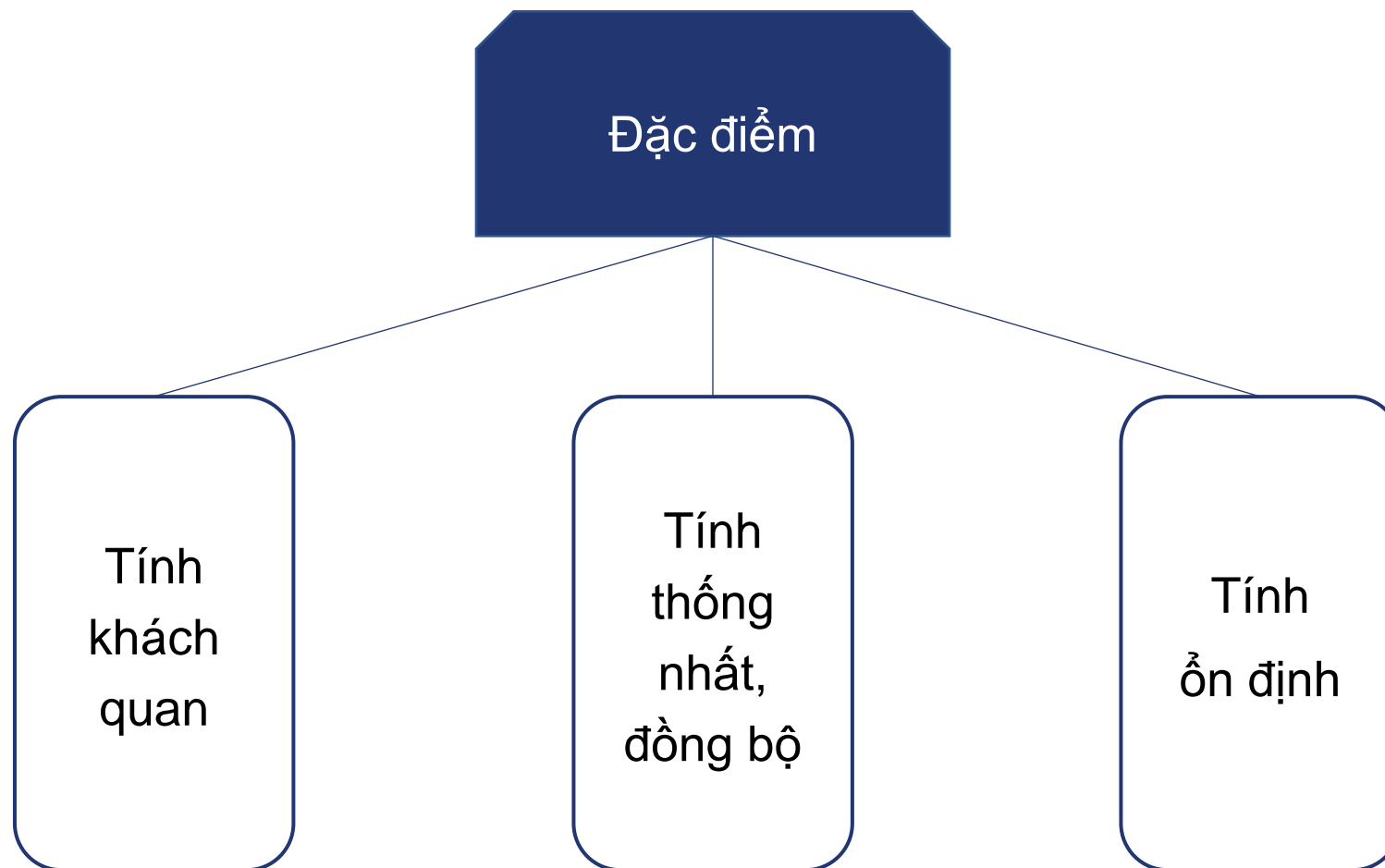
6.1.3

Cấu thành của hệ thống pháp luật

Khái niệm

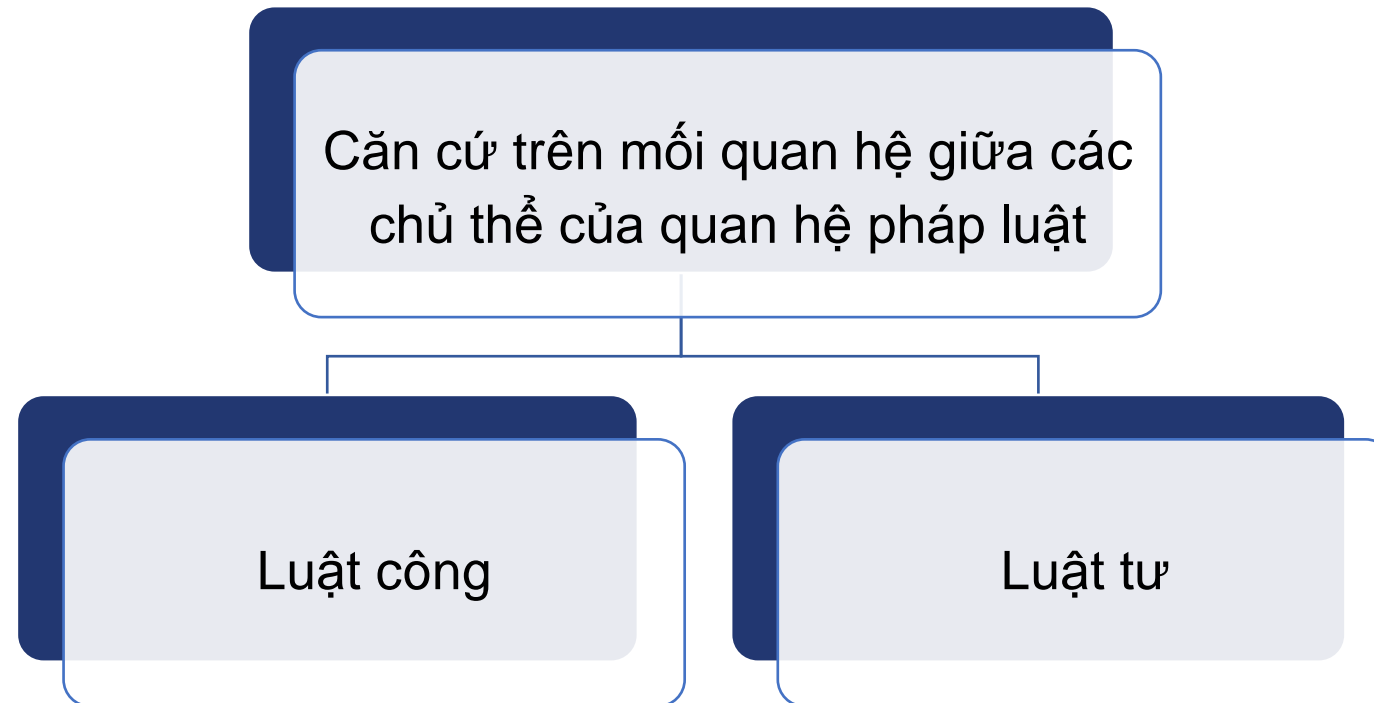
Hệ thống pháp luật là tổng hợp các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau tạo thành một chỉnh thể thống nhất tồn tại một cách khách quan phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội.

6.1.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

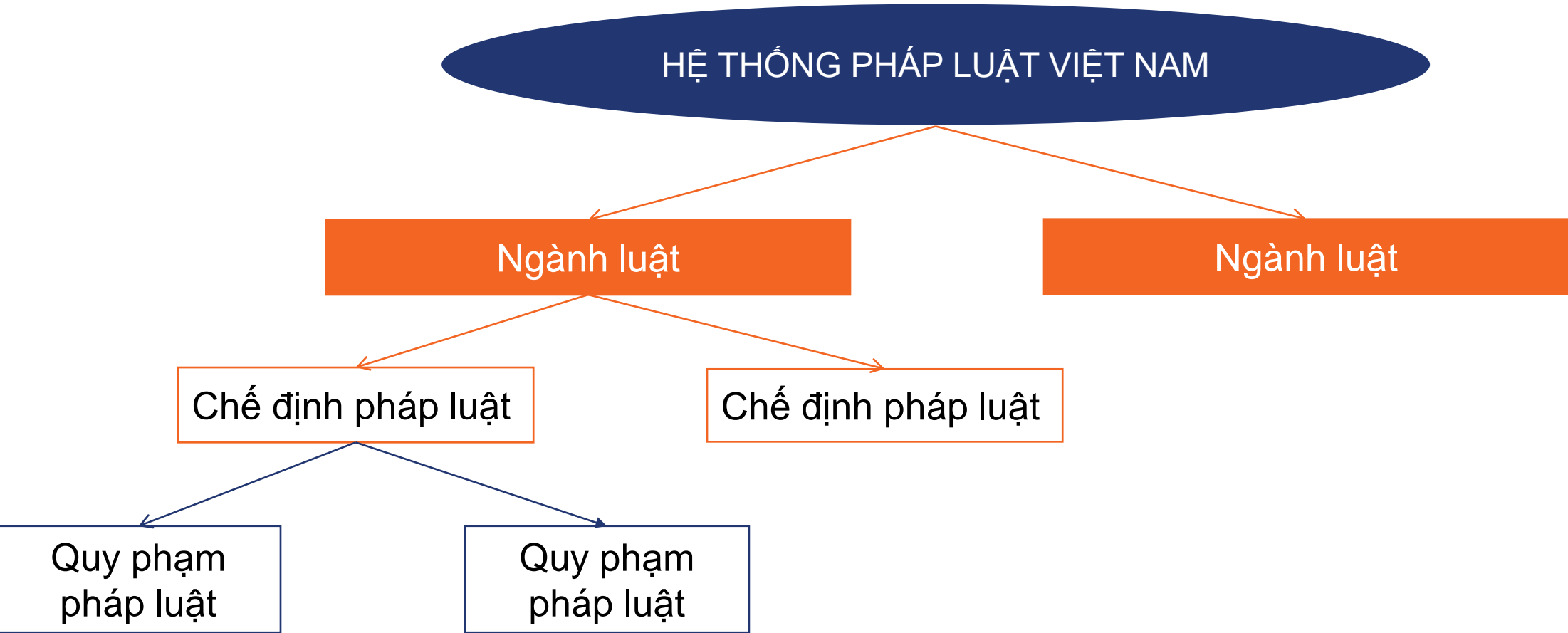


6.1.3. CẤU THÀNH CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Các nước trên thế giới



6.1.3. CẤU THÀNH CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT



6.2. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

6.2.1

Luật Hiến pháp

6.2.2

Luật hành chính

6.2.3

Luật hình sự

6.2.3

Luật dân sự

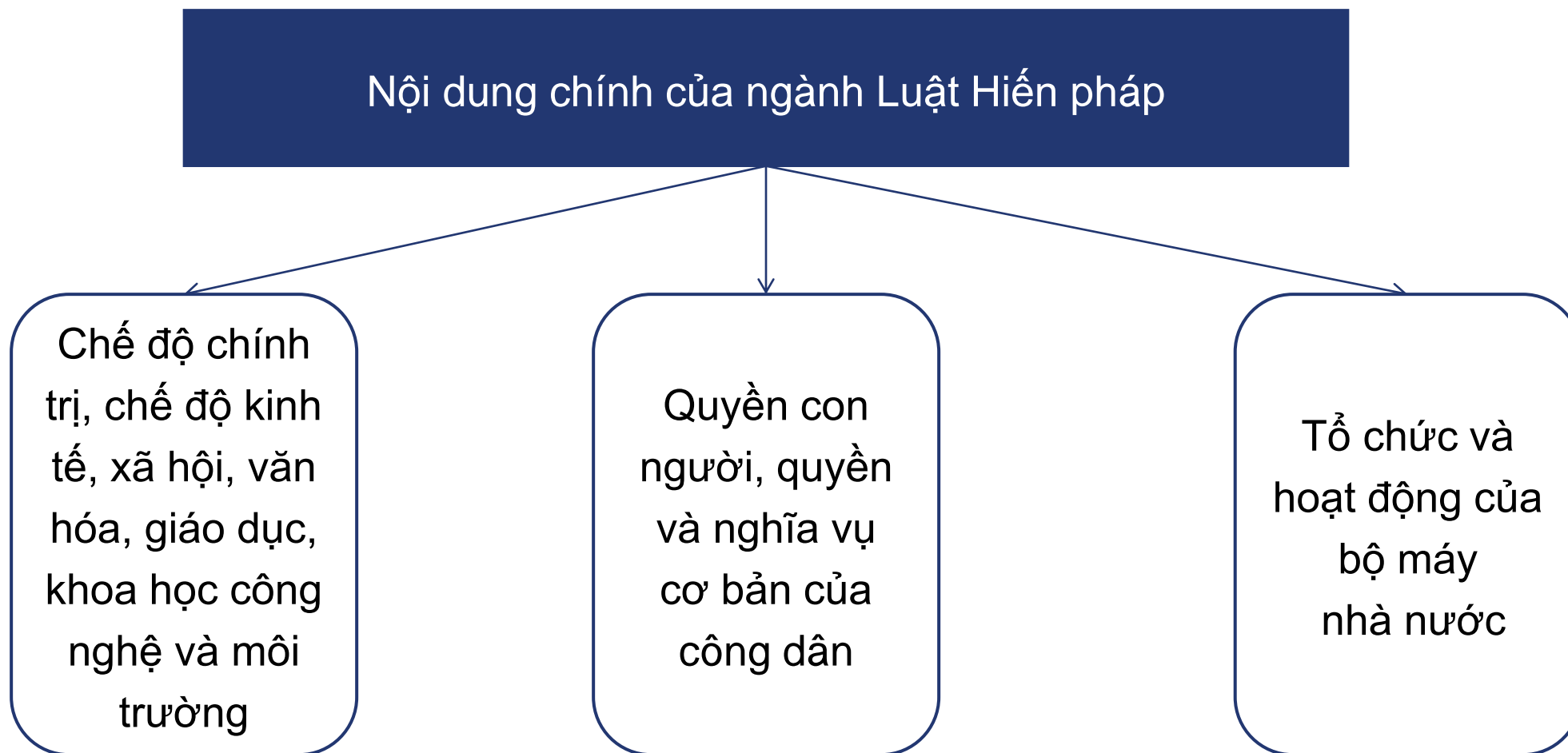
Khái niệm

Luật Hiến pháp là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản và quan trọng gắn với việc xác định chế độ chính trị, chế độ kinh tế, chính sách văn hóa – xã hội, quốc phòng và an ninh, đối ngoại, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

6.2.1. LUẬT HIẾN PHÁP

Một số văn bản pháp luật cơ bản ngành Luật Hiến pháp:

- Hiến pháp năm 2013;
- Luật tổ chức Quốc hội 2014;
- Luật tổ chức Chính phủ 2015;
- Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014;
- Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014;
- Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015.



Câu 1: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là chế định pháp luật thuộc ngành luật nào?

- A. Luật Hiến pháp
- B. Luật hành chính
- C. Luật lao động
- D. Luật dân sự

6.2.2. LUẬT HÀNH CHÍNH

a) Khái niệm Luật hành chính

b) Cơ quan hành chính nhà nước

c) Cán bộ, công chức, viên chức

d) Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

a) Khái niệm Luật hành chính

Khái niệm

Luật hành chính là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước, các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các cơ quan nhà nước xây dựng và ổn định chế độ công tác nội bộ, các quan hệ xã hội phát sinh khi các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội hoặc cá nhân thực hiện hoạt động quản lý hành chính đối với các vấn đề cụ thể do pháp luật quy định.

a) Khái niệm Luật hành chính

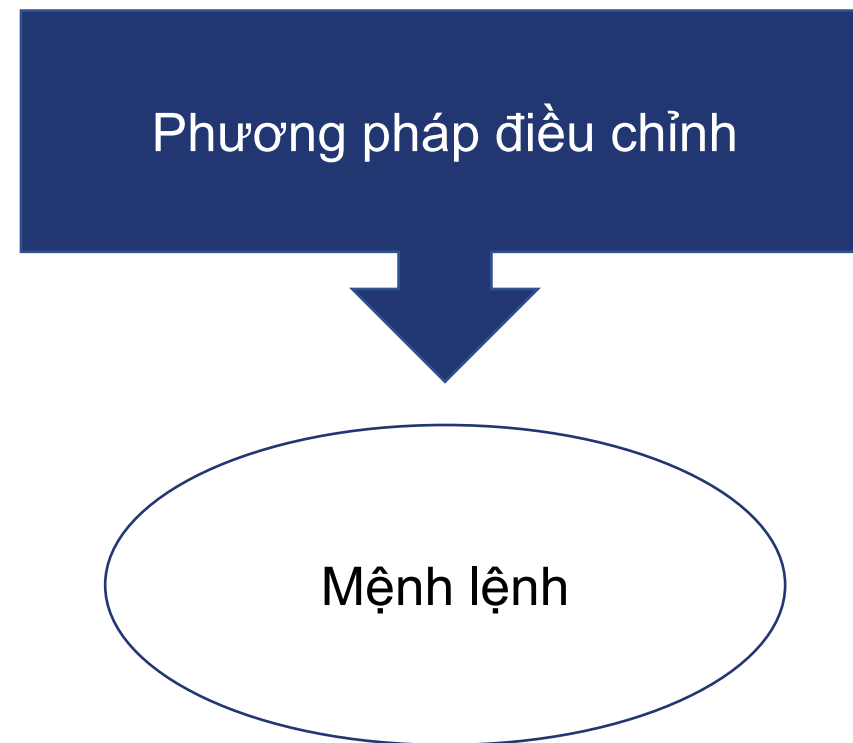
Đối tượng điều chỉnh

Quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước

Quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình cơ quan nhà nước xây dựng và ổn định chế độ công tác nội bộ

Quan hệ xã hội phát sinh khi cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội hoặc cá nhân thực hiện hoạt động quản lý hành chính với các vấn đề cụ thể do pháp luật quy định

a) Khái niệm Luật hành chính



b) Cơ quan hành chính nhà nước

Khái niệm

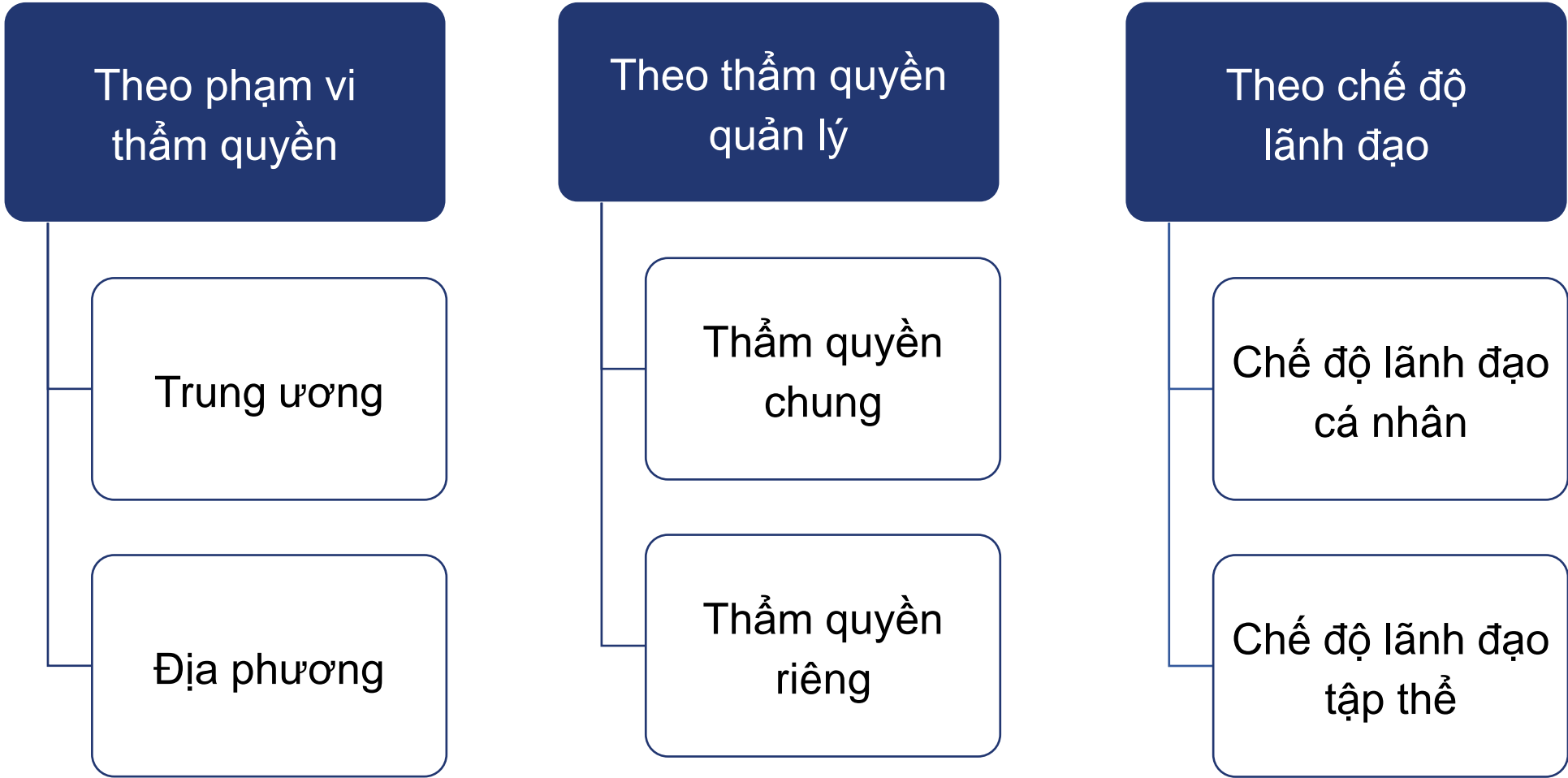
Cơ quan hành chính nhà nước là một bộ phận của bộ máy nhà nước, do nhà nước lập ra để thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước.

b) Cơ quan hành chính nhà nước

Đặc điểm

- Tính quyền lực nhà nước.
- Có phạm vi thẩm quyền.
- Hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước là hoạt động chấp hành - điều hành.
- Hệ thống tổ chức các cơ quan hành chính nhà nước có quan hệ trực thuộc với nhau.

6.2.2. LUẬT HÀNH CHÍNH



Câu 2: Đâu là cơ quan hành chính nhà nước?

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Tòa án nhân dân
- D. Viện kiểm sát nhân dân

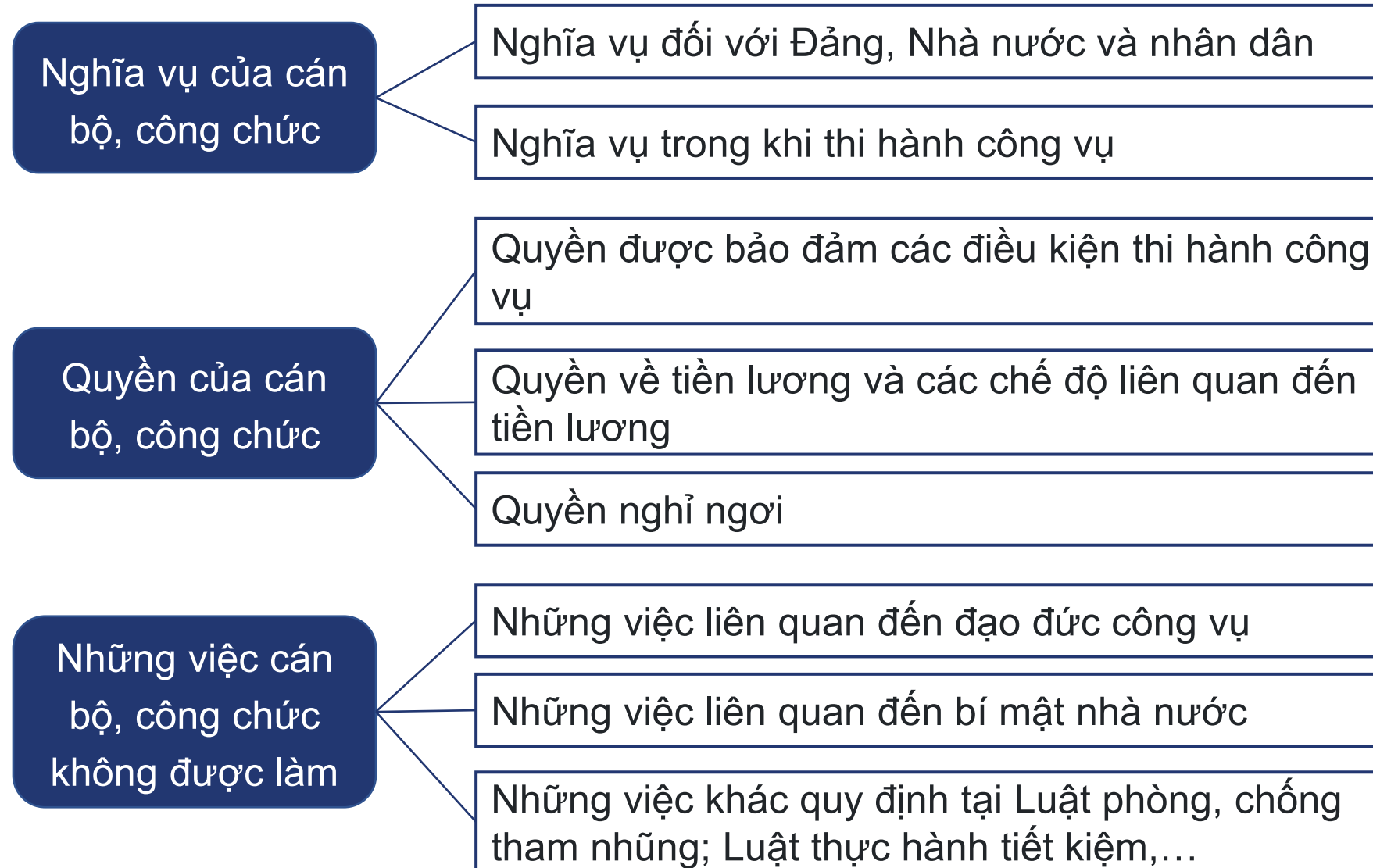
c) Cán bộ, công chức, viên chức

Cơ sở pháp lý

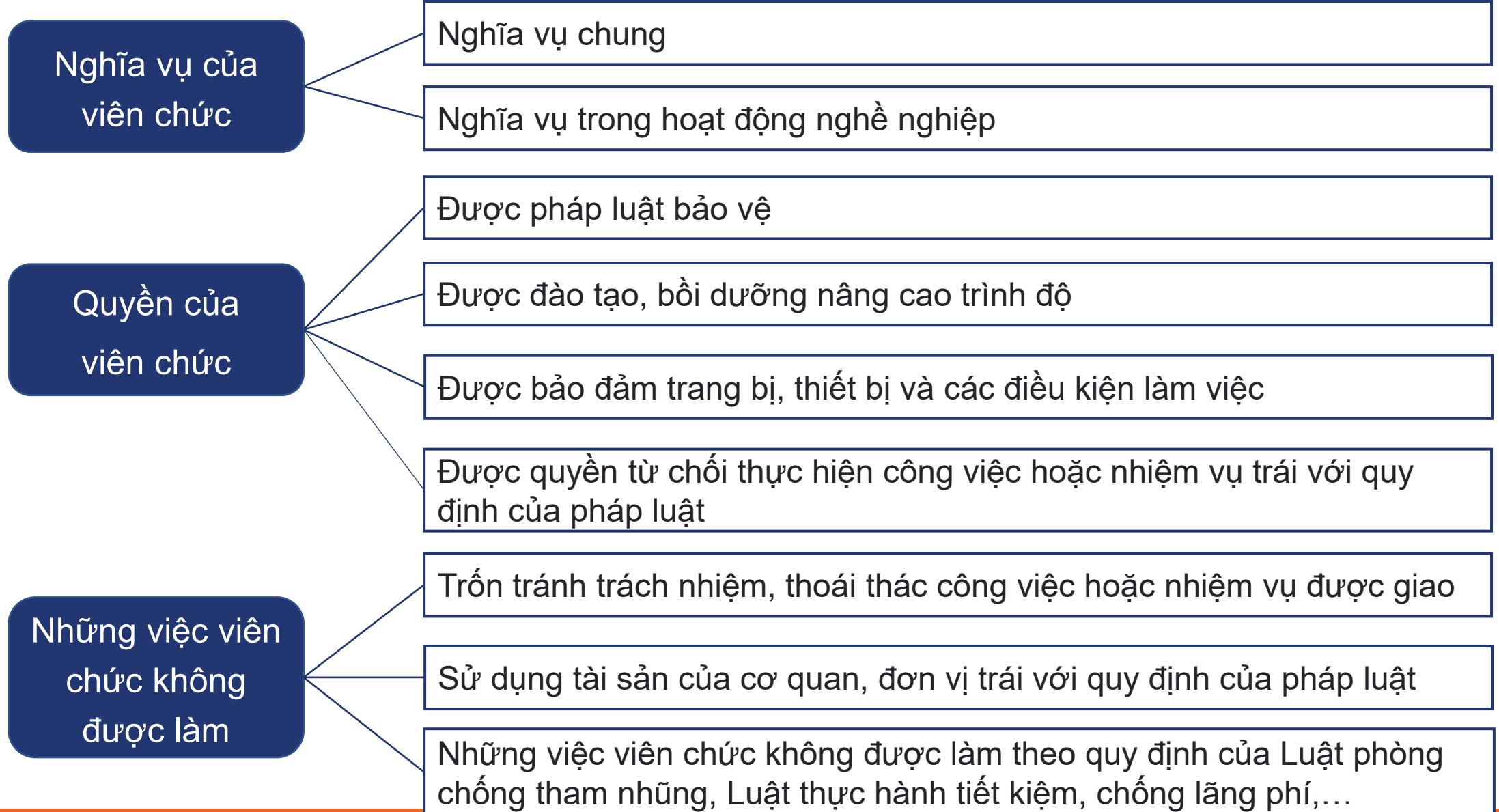
- Luật cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019
- Luật viên chức năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2019

- Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
- Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
- Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

6.2.2. LUẬT HÀNH CHÍNH



6.2.2. LUẬT HÀNH CHÍNH



Câu 3: Chủ thể nào trong các chủ thể sau đây là viên chức?

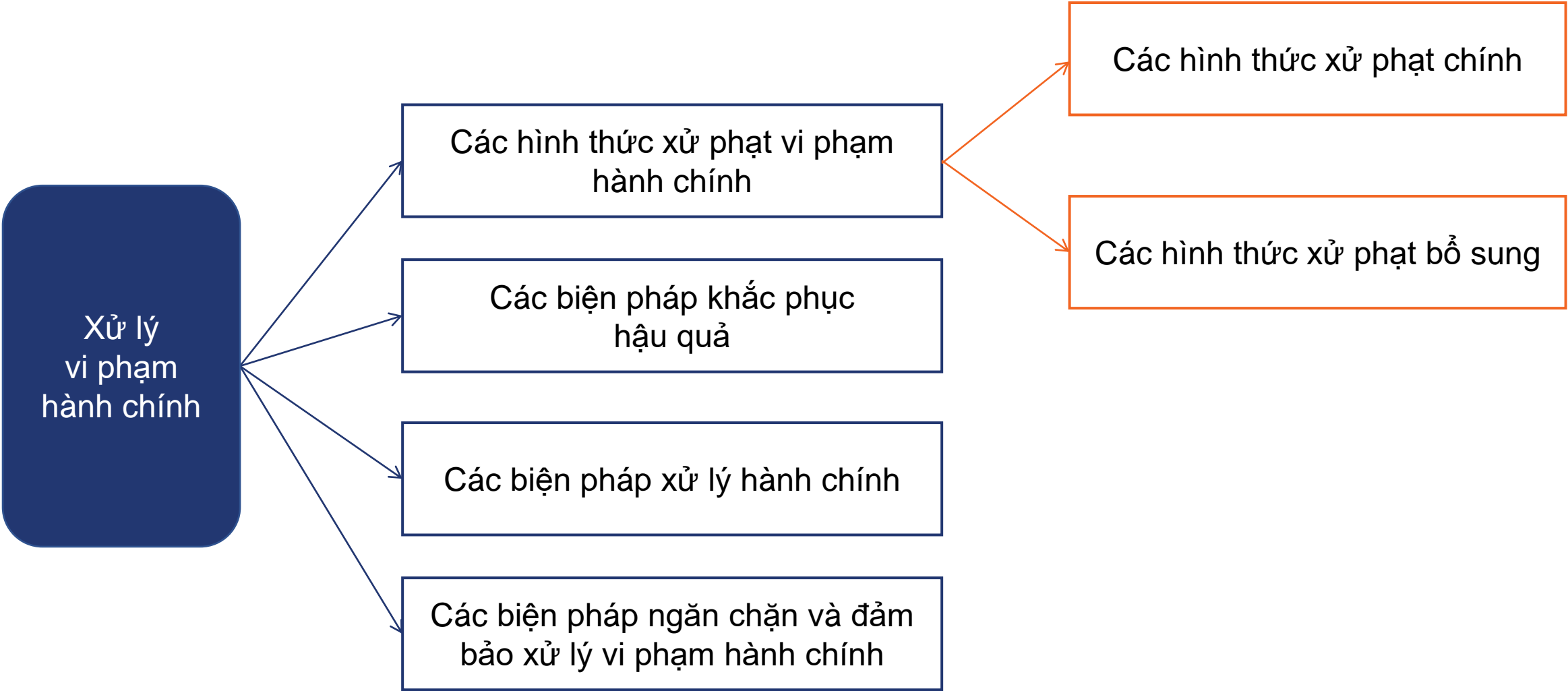
- A. Thẩm phán
- B. Thủ tướng chính phủ
- C. Chủ tịch nước
- D. Giảng viên trường Đại học Hà Nội

d) Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

Khái niệm

Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính

- Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính
 - Phát hiện, ngăn chặn kịp thời.
 - Xử phạt nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền.
 - Việc xử phạt phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của vi phạm pháp luật.
 - Chỉ xử phạt khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định.
- Đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính
 - Cá nhân
 - Tổ chức



Câu 4: Biện pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu thuộc nhóm biện pháp xử lý vi phạm hành chính nào?

- A. Các hình thức xử phạt chính
- B. Các hình thức xử phạt bổ sung
- C. Các biện pháp khắc phục hậu quả
- D. Các biện pháp ngăn chặn

a) Khái niệm hệ Luật hình sự

b) Tội phạm

c) Hình phạt

a) Khái niệm hệ Luật hình sự

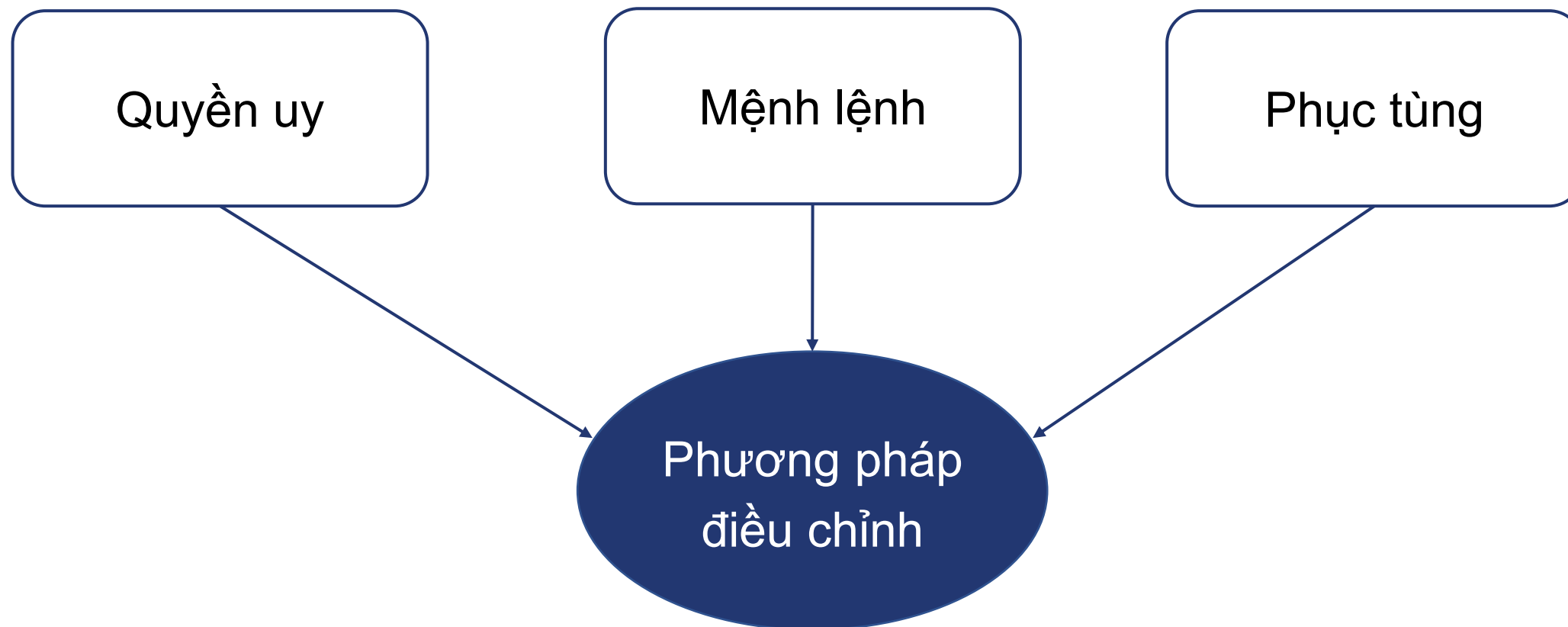
Khái niệm

Luật hình sự là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, gồm hệ thống các quy phạm pháp luật xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm và hình phạt tương ứng đối với tội đó.

a) Khái niệm hệ Luật hình sự



a) Khái niệm hệ Luật hình sự



6.2.3. LUẬT HÌNH SỰ

Nguồn chủ yếu
của Luật hình sự

- Bộ luật hình sự số 100/2013/QH13
- Luật số 122017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự năm 2015

Nguyên tắc cơ bản
của Luật hình sự

- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa
- Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa
- Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa
- Nguyên tắc trách nhiệm cá nhân

Câu 5: Đối tượng điều chỉnh của Luật hình sự là quan hệ xã hội nào?

- A. Quan hệ giữa nhà nước và người phạm tội
- B. Quan hệ giữa bị cáo và nạn nhân
- C. Quan hệ giữa Tòa án và bị can
- D. Quan hệ giữa bị cáo, nạn nhân và người làm chứng

b) Tội phạm

Khái niệm

Điều 8 Bộ luật hình sự năm 2015

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật hình sự phải bị xử lý hình sự.

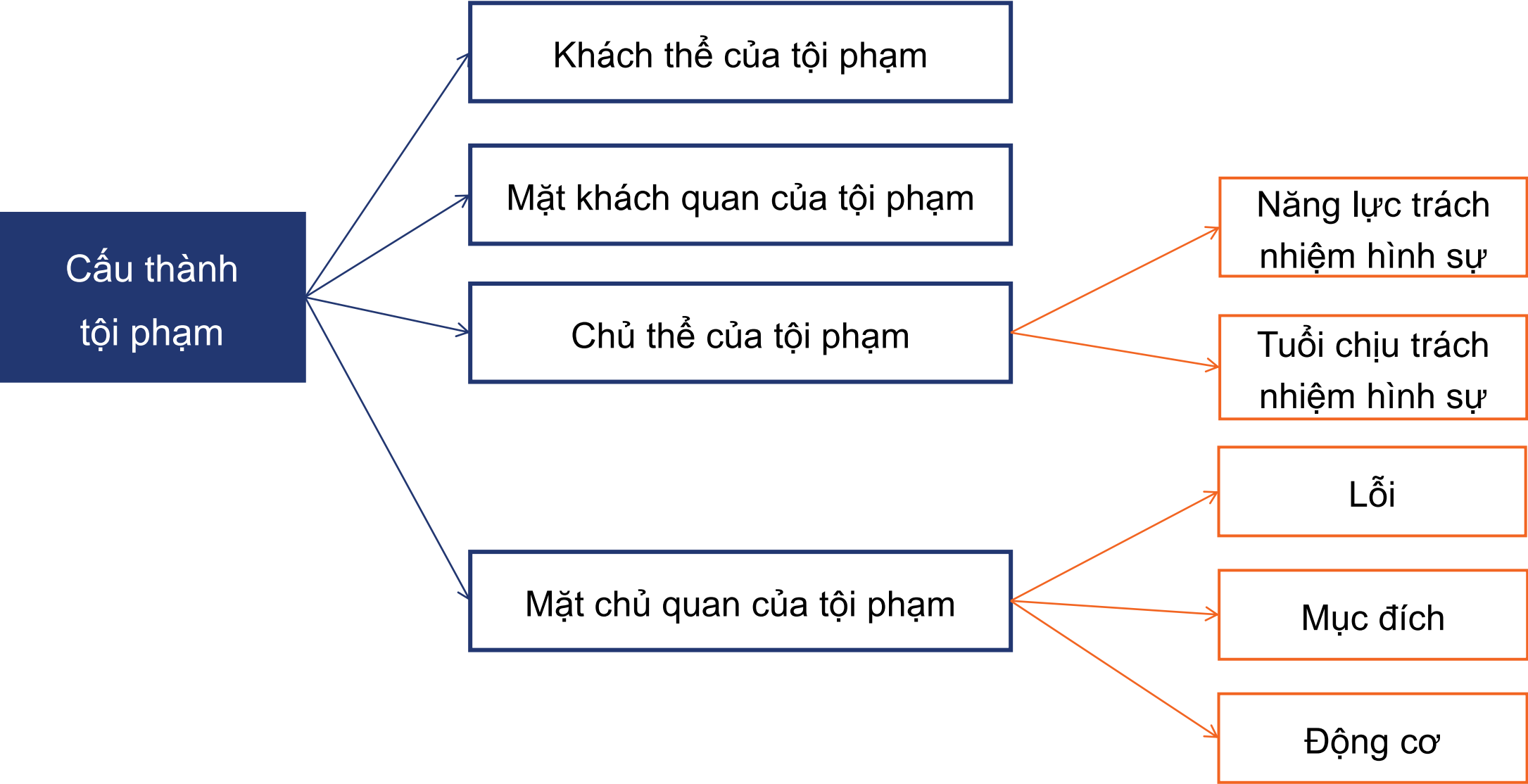
Dấu
hiệu
của tội
phạm

- Tính nguy hiểm cho xã hội
- Tính có lỗi
- Tính trái pháp luật hình sự
- Tính phải chịu hình phạt

Phân
loại tội
phạm

- Tội phạm ít nghiêm trọng
- Tội phạm nghiêm trọng
 - Tội phạm rất nghiêm trọng
 - Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

6.2.3. LUẬT HÌNH SỰ



Thời hiệu truy
cứu trách
nhiệm hình sự

- Thời hiệu theo từng loại tội phạm
- Trường hợp không áp dụng thời hiệu

Các giai đoạn
thực hiện
tội phạm

- Chuẩn bị phạm tội
- Phạm tội chưa đạt
- Không tổ giác tội phạm

Các trường hợp phạm tội khác

- Đồng phạm
- Che giấu tội phạm
- Phạm tội đã hoàn thành

Lưu ý: Trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

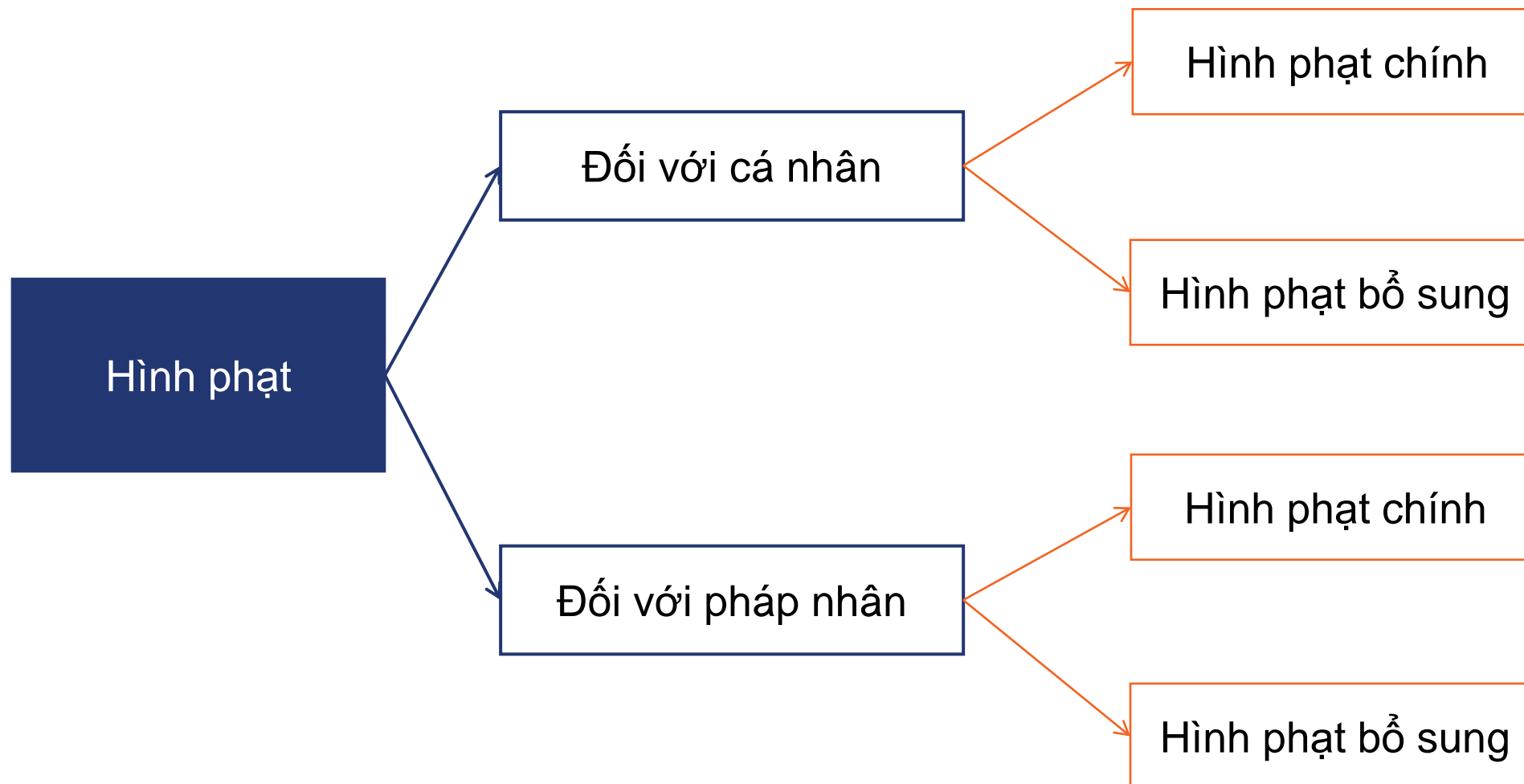
Câu 6: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng là bao lâu?

- A. 5 năm
- B. 10 năm
- C. 15 năm
- D. 20 năm

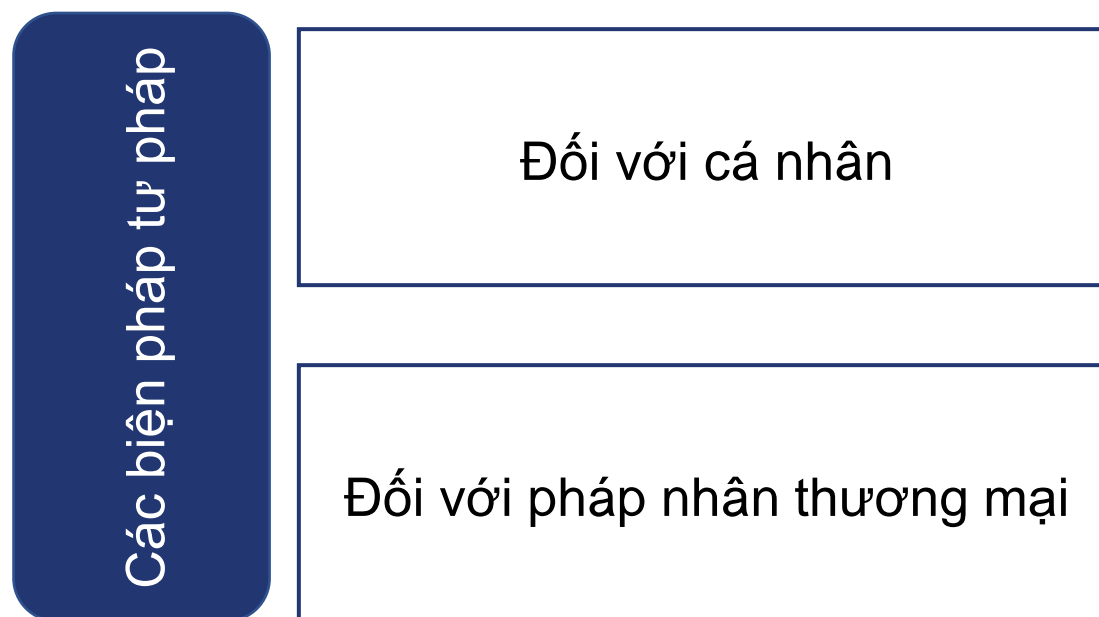
c) Hình phạt

Khái niệm

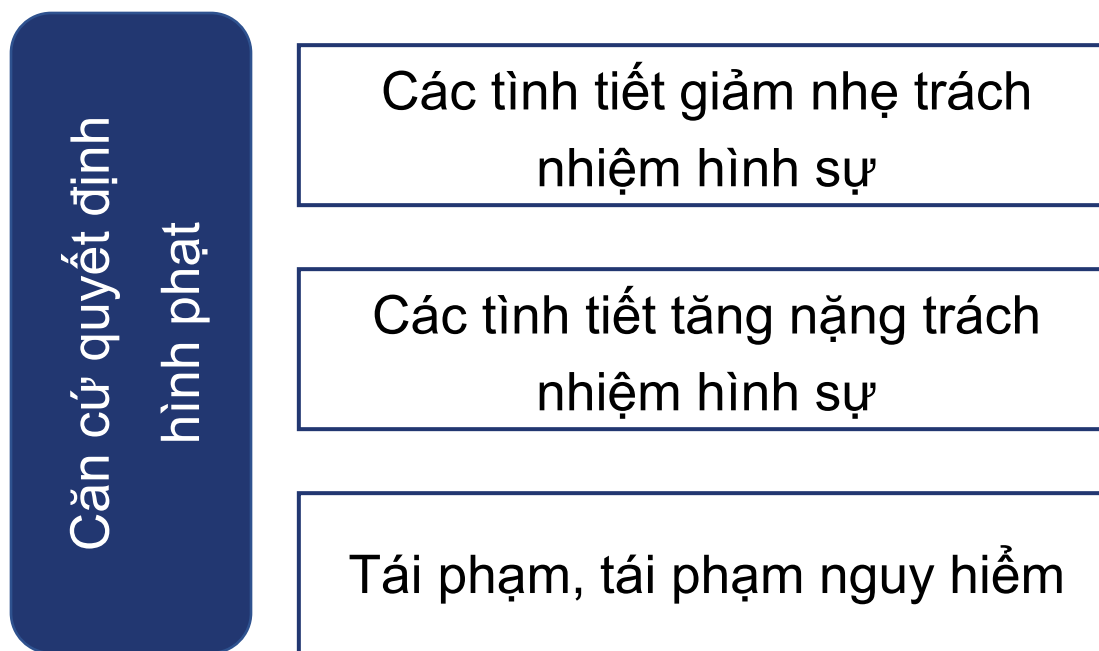
Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước được quy định trong Bộ luật hình sự, do tòa án áp dụng đối với người phạm tội.



c) Hình phạt



c) Hình phạt



Câu 7: Hình phạt trong Bộ luật hình sự Việt Nam không áp dụng đối với chủ thể nào sau đây?

- A. Cá nhân
- B. Pháp nhân
- C. Hộ gia đình
- D. Người nước ngoài

6.2.4. LUẬT DÂN SỰ

a) Khái niệm Luật dân sự

b) Tài sản và quyền sở hữu

c) Hợp đồng dân sự

d) Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

e) Thừa kế

a) Khái niệm Luật dân sự

Khái niệm

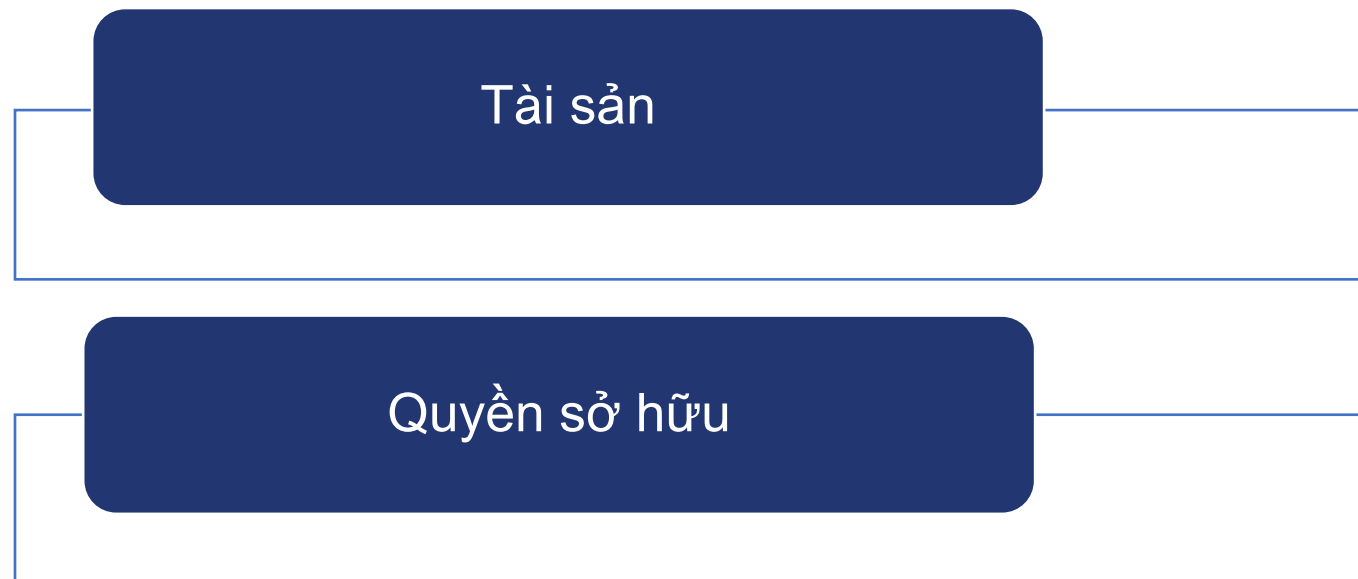
Luật dân sự là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, gồm những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và các quan hệ nhân thân, trên cơ sở bình đẳng, độc lập của các chủ thể tham gia

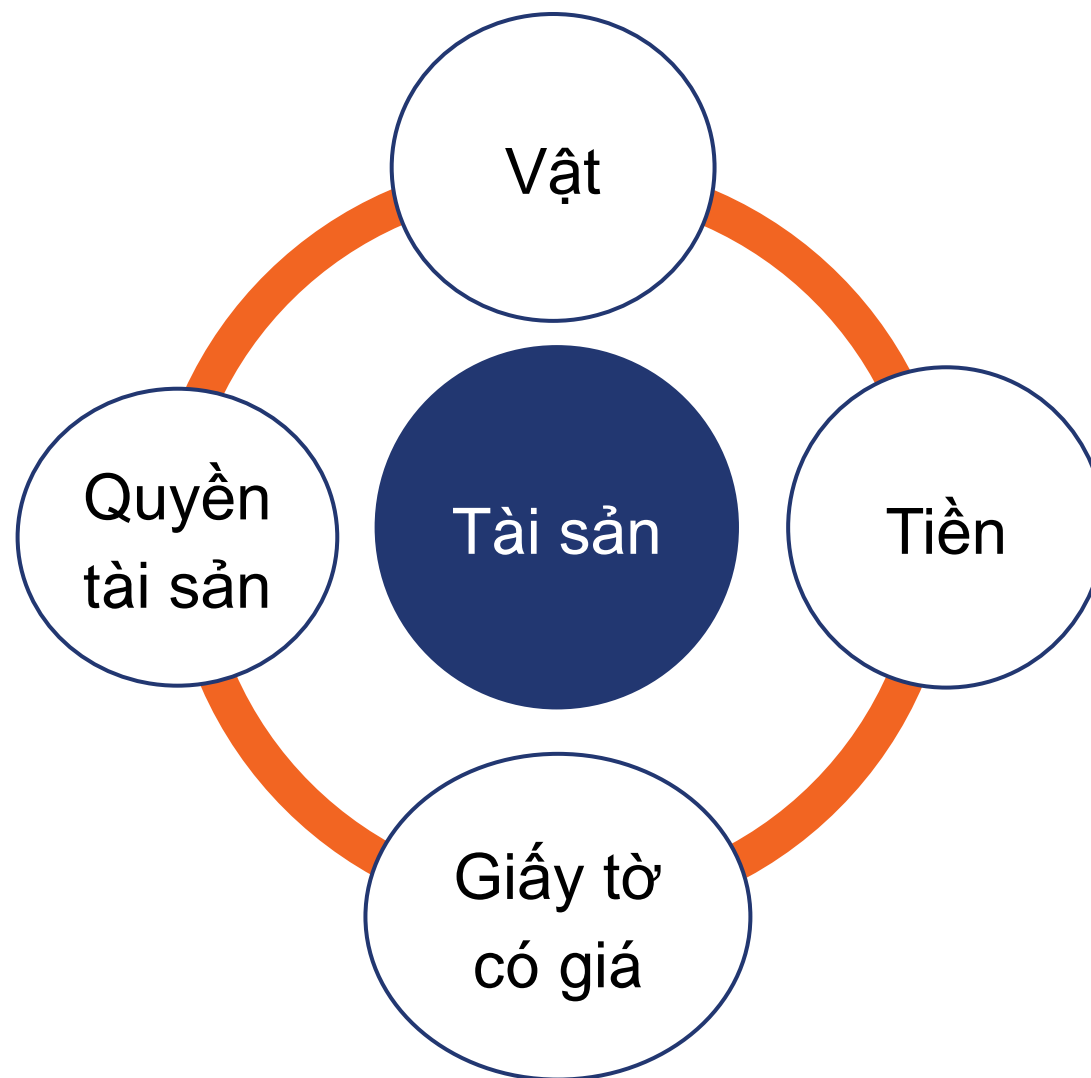


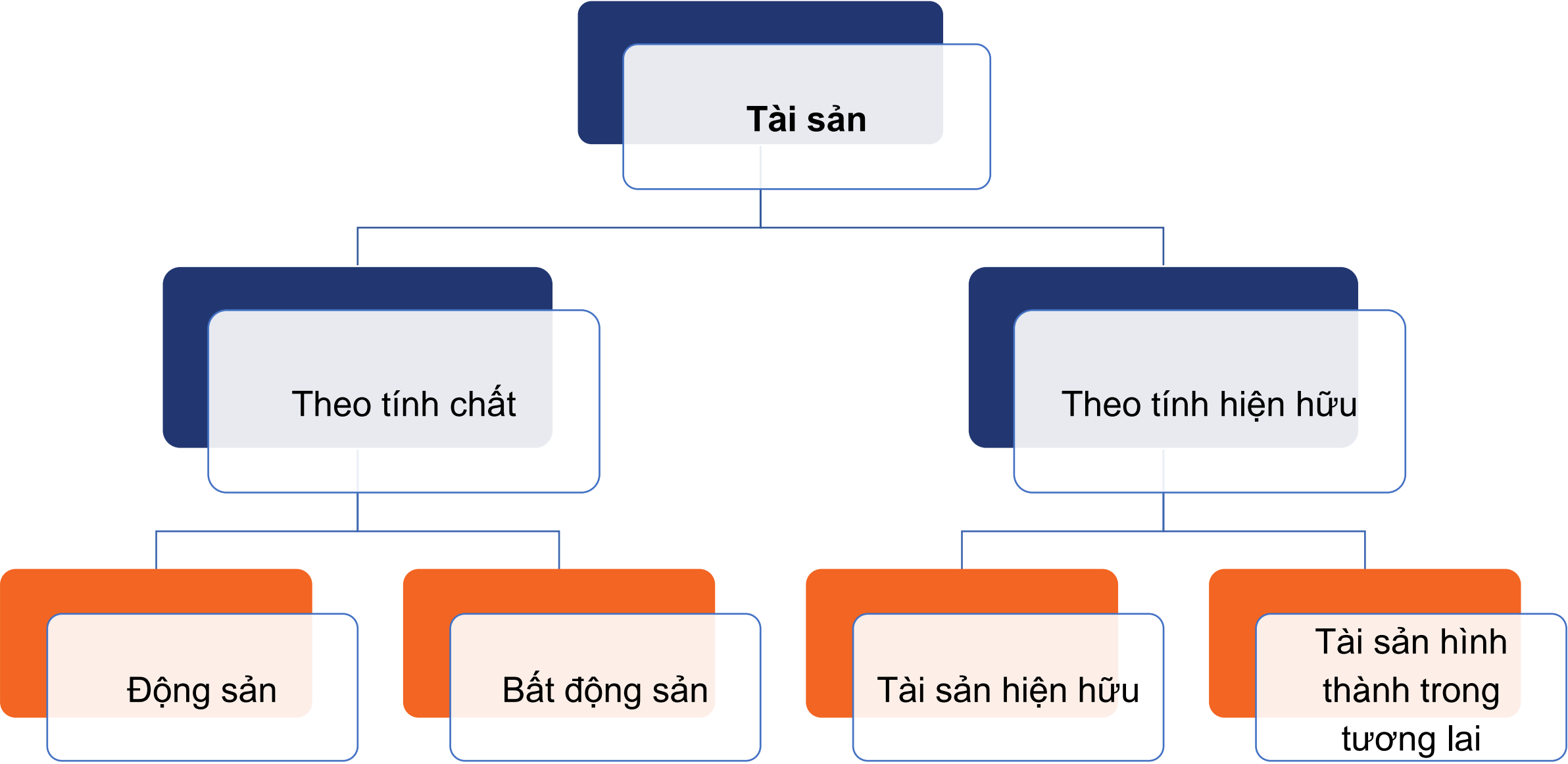
Phương pháp điều chỉnh

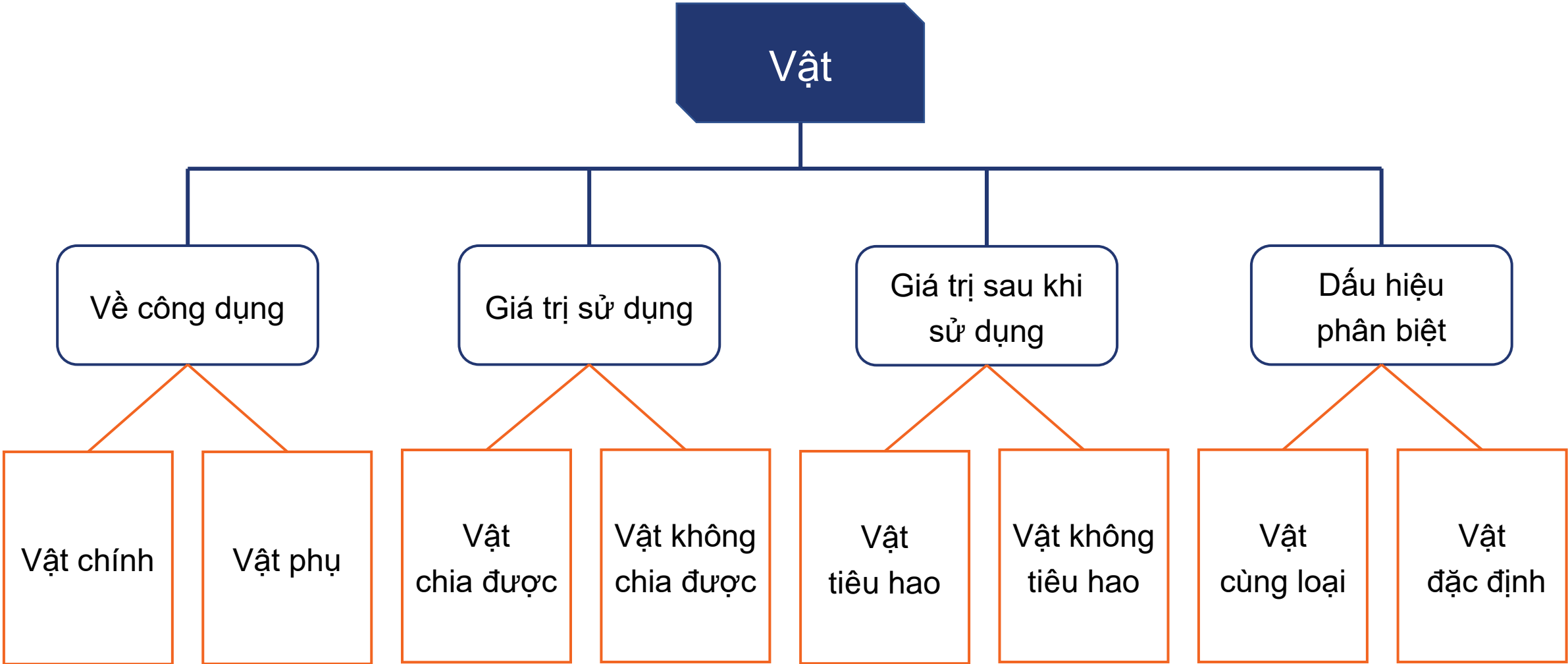


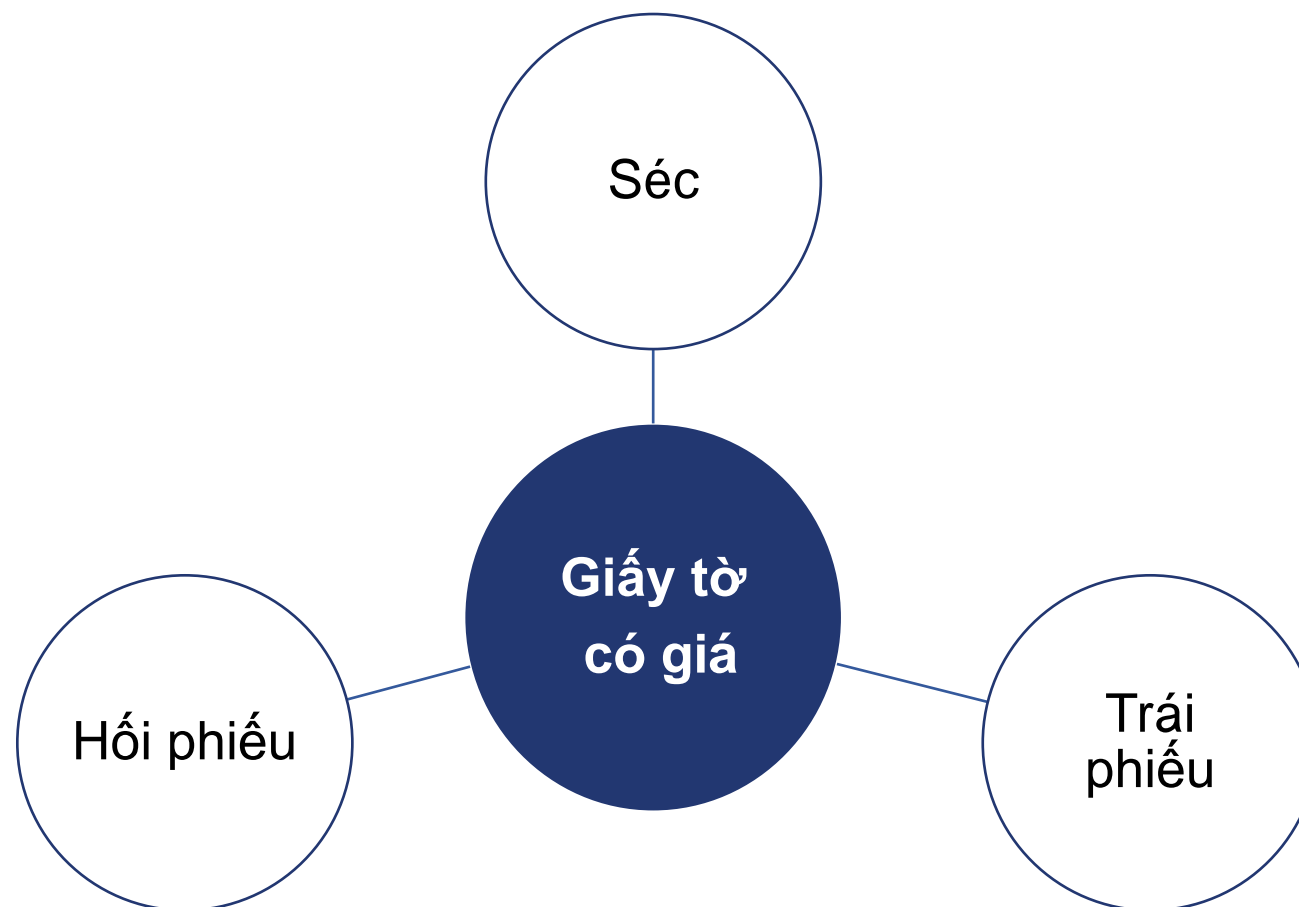
b) Tài sản và quyền sở hữu

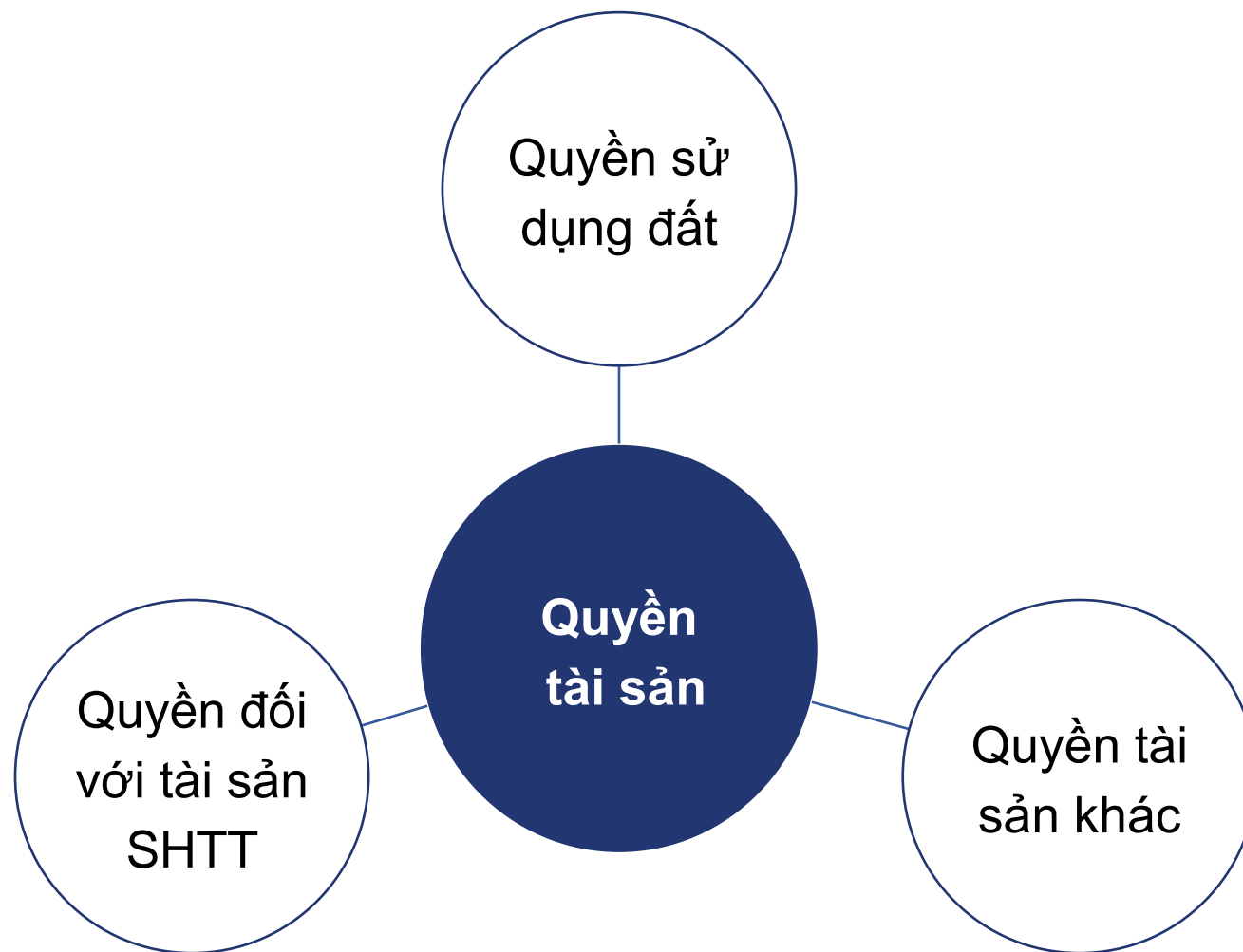


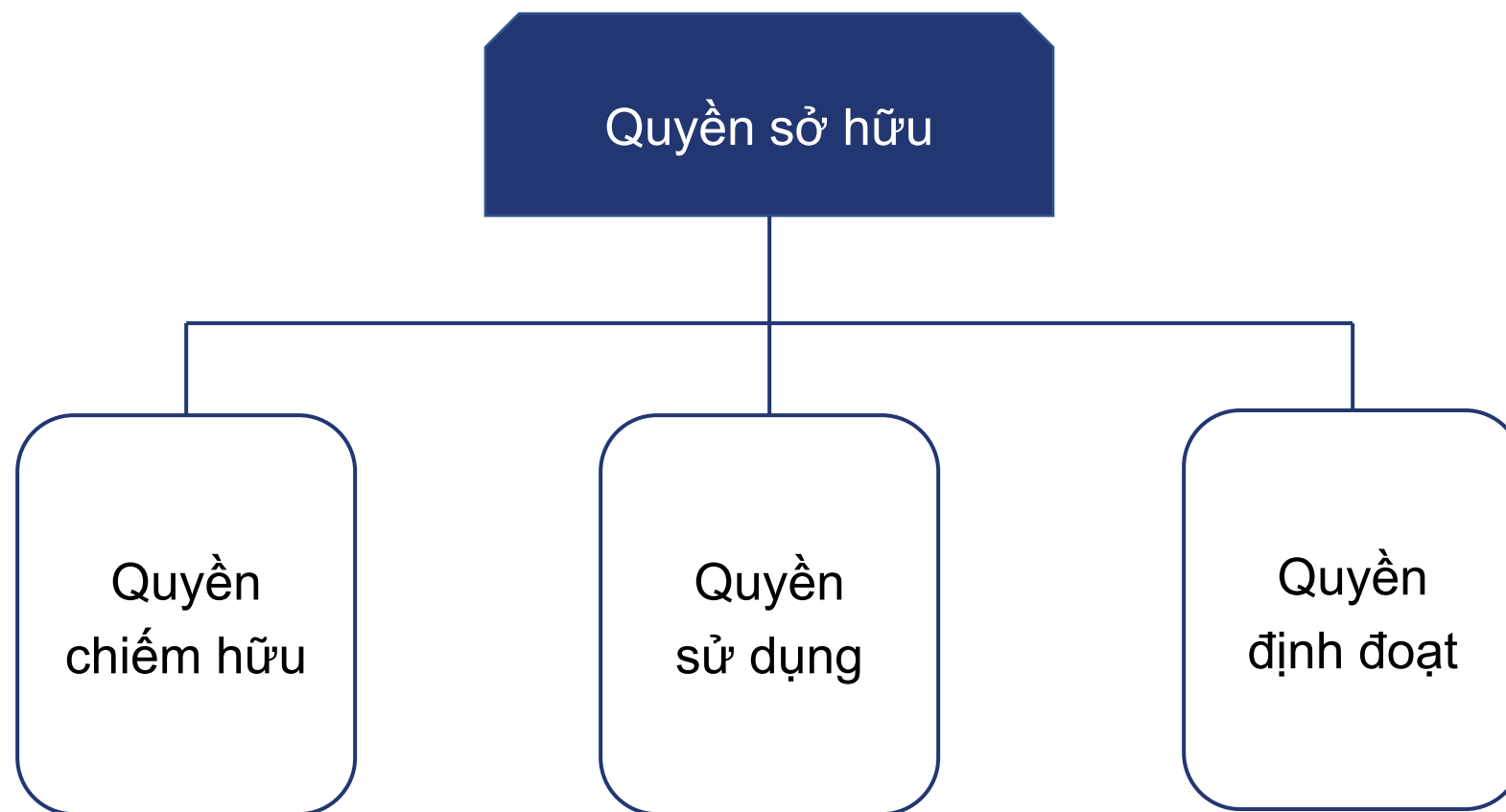












Câu 8: Đâu không phải là tài sản theo quy định của pháp luật dân sự?

- A. Thời gian
- B. Tiền
- C. Tủ lạnh
- D. Séc

c) Hợp đồng dân sự

Khái niệm

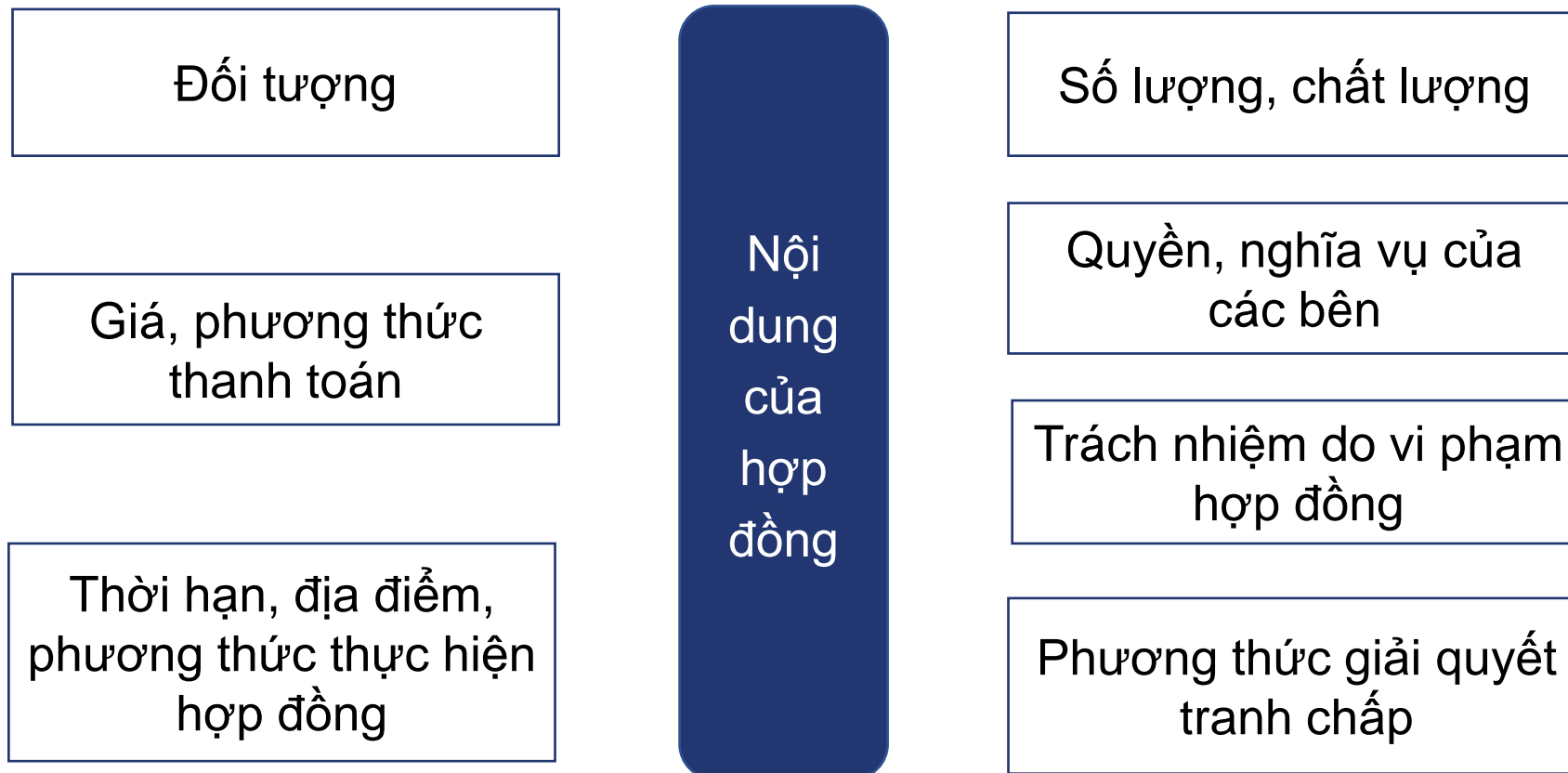
Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận của các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự

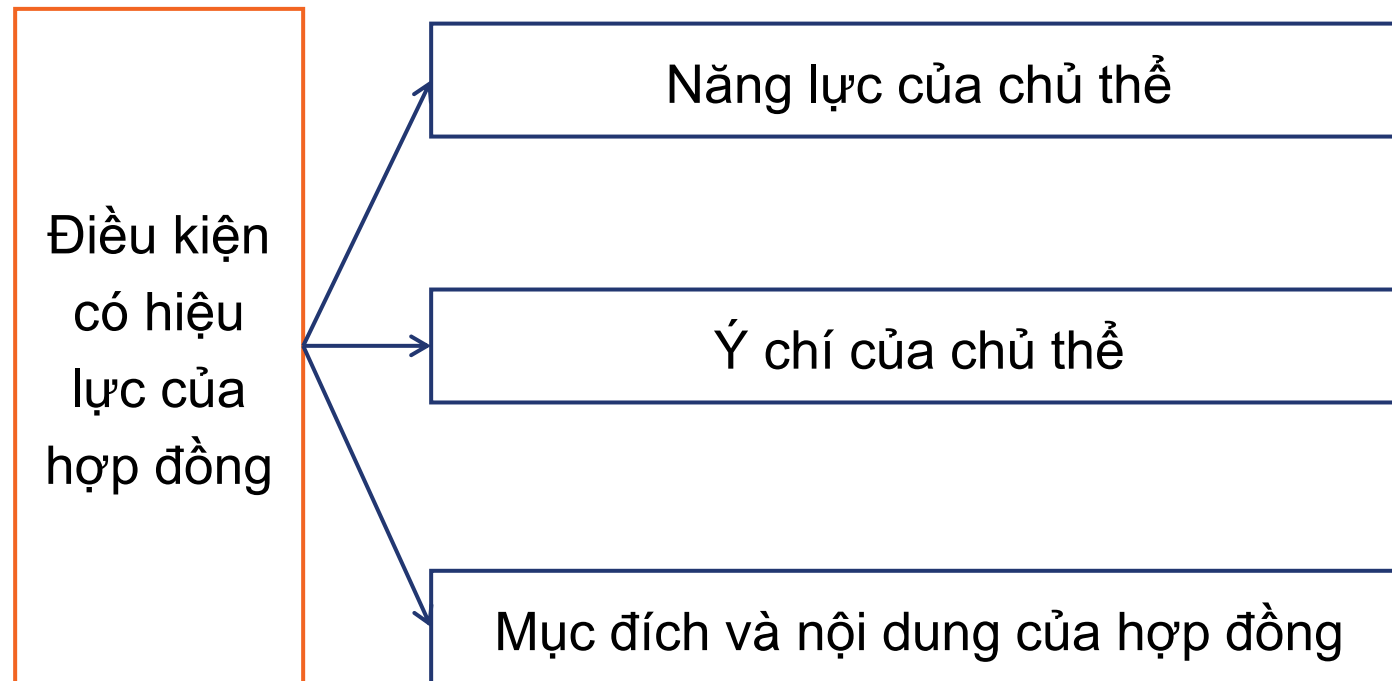
c) Hợp đồng dân sự

Hình thức của hợp đồng dân sự

- Lời nói
- Văn bản
- Hành vi

6.2.4. LUẬT DÂN SỰ





6.2.4. LUẬT DÂN SỰ

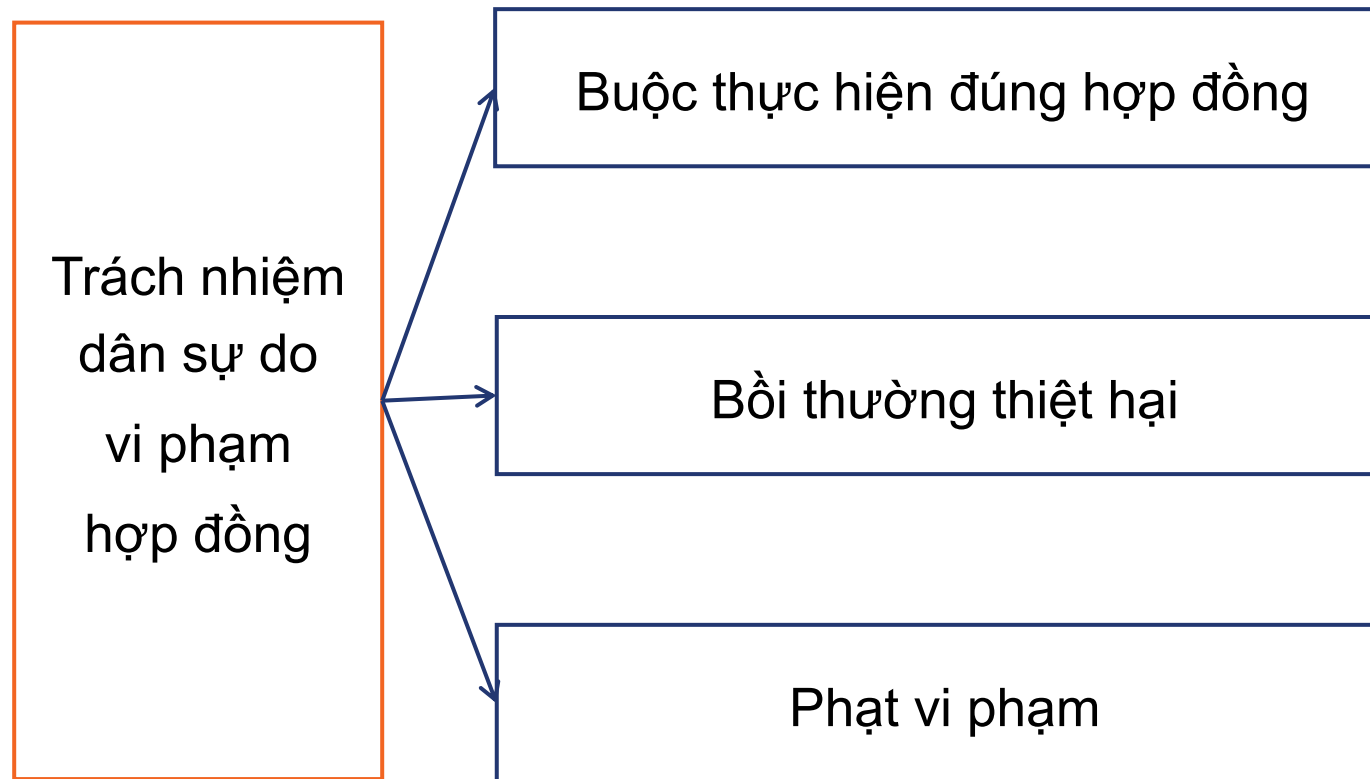


c) Hợp đồng dân sự

Các loại hợp đồng

- Hợp đồng song vụ
- Hợp đồng đơn vụ
- Hợp đồng chính
- Hợp đồng phụ
- Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba
- Hợp đồng có điều kiện

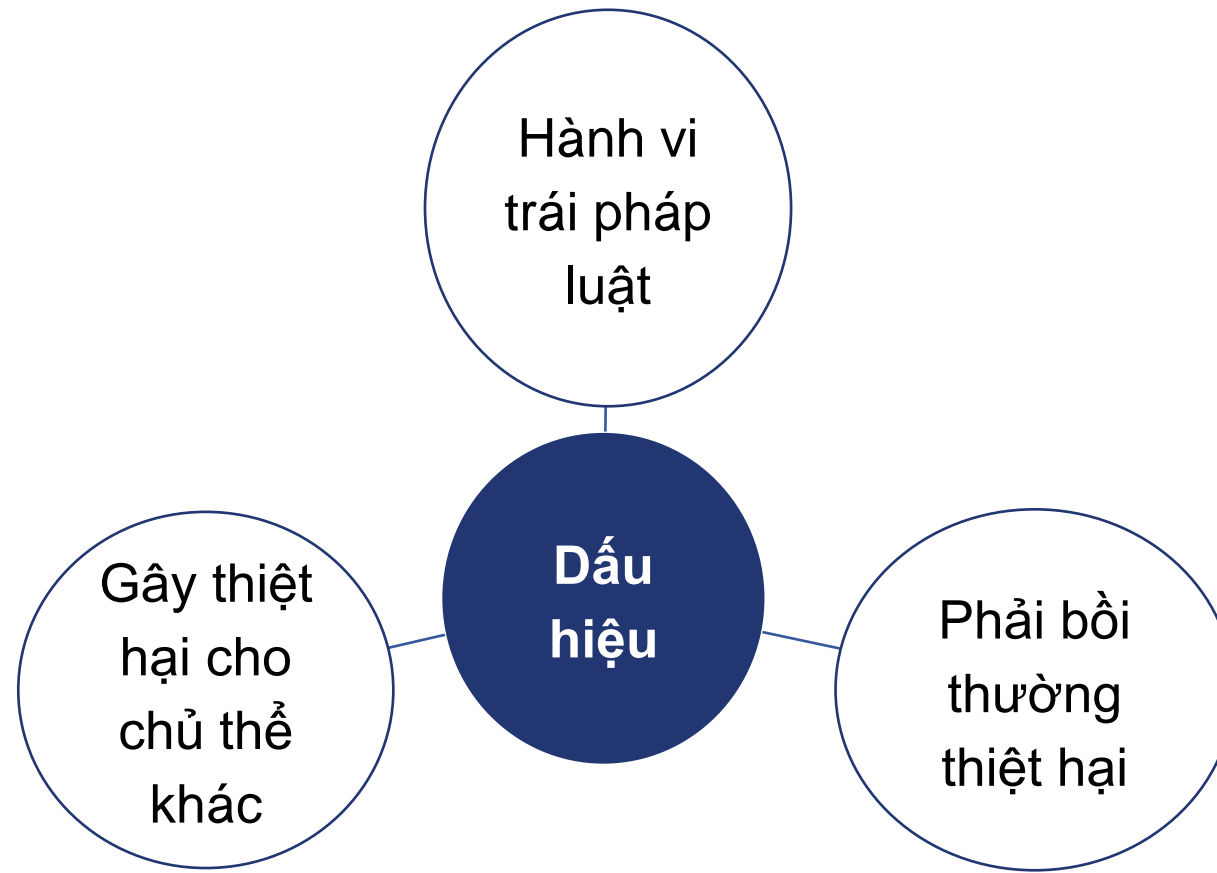
6.2.4. LUẬT DÂN SỰ



Câu 9: Xác định hợp đồng đơn vụ trong các trường hợp sau?

- A. Hợp đồng mua bán hàng hóa
- B. Hợp đồng tặng cho tài sản
- C. Hợp đồng thuê nhà
- D. Hợp đồng gia công

d) Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng



d) Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Trách
nhiệm bồi
thường
thiệt hại

Có hành vi trái pháp luật

Có thiệt hại

Có lỗi

Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi
và thiệt hại

Câu 10: Trường hợp nào trong các trường hợp dưới đây không phải là trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng?

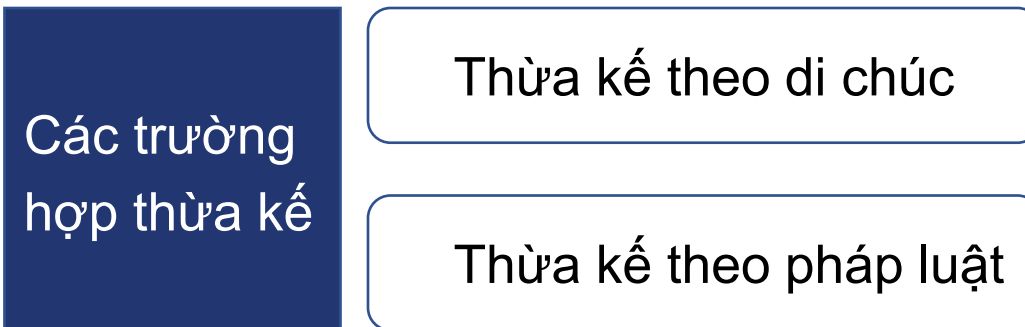
- A. Bồi thường thiệt hại do chậm giao hàng
- B. Bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán
- C. Bồi thường thiệt hại gây tai nạn do vi phạm luật giao thông
- D. Bồi thường thiệt hại do giao hàng sai địa điểm

e) Thừa kế

Khái niệm

Quyền dịch chuyển tài sản của người chết sang cho những người còn sống

e) Thừa kế



Câu 11: Trường hợp nào sau đây thực hiện việc chia thừa kế theo di chúc?

- A. Có di chúc hợp pháp
- B. Có di chúc
- C. Không có di chúc
- D. Có di chúc, người được hưởng theo di chúc đã chết

Chương 6 giúp người học nhận thức được:

- Cấu thành của hệ thống pháp luật Việt Nam
- Những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật hành chính, Luật hình sự, Luật dân sự.